

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐÔNG ANH**

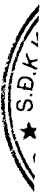
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Hà Nội, tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hữu Tuynh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/04/2012
Ông Lê Đình Tư	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2012
Ông Ưng Tiến Đỗ	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên	
Bà Trần Thị Minh Hương	Thành viên	
Ông Chu Mạnh Hùng	Thành viên	
Ông Phạm Bình Minh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/04/2012
Ông Vũ Hữu Tuynh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/04/2012
Bà Trần Thị Minh Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2012
Ông Phạm Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2012
Bà Hoàng Thị Thu An	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng ban
Ông Hoàng Ngọc Bội	Thành viên
Bà Trịnh Thị Vy	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

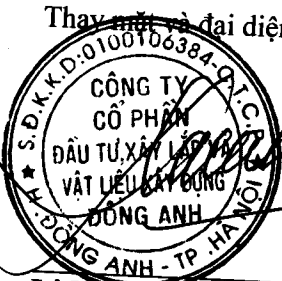
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013



Số: 133 /2013/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 28/03/2013, trình bày từ trang 5 đến trang 27 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

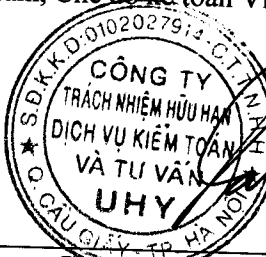
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.851.141.750	102.017.197.900
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	10.187.371.747	10.685.637.635
Tiền	111		10.187.371.747	7.685.637.635
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.712.127.263	50.840.445.549
Phải thu khách hàng	131		32.988.608.472	35.841.330.600
Trả trước cho người bán	132		1.534.758.631	1.820.989.553
Các khoản phải thu khác	135	6	28.691.589.167	14.092.292.166
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.502.829.007)	(914.166.770)
Hàng tồn kho	140		48.589.286.949	34.976.325.341
Hàng tồn kho	141	7	48.589.286.949	34.976.325.341
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.362.355.791	5.514.789.375
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.490.464.226	3.502.870.680
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		508.419.896	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.363.471.669	2.011.918.695
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		71.071.449.292	70.669.579.314
Tài sản cố định	220		65.327.949.292	64.926.079.314
Tài sản cố định hữu hình	221	9	49.277.513.718	48.982.492.069
- Nguyên giá	222		96.189.601.636	97.175.113.483
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.912.087.918)	(48.192.621.414)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.820.897.900	8.839.038.300
- Nguyên giá	228		9.761.360.700	9.761.360.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(940.462.800)	(922.322.400)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.229.537.674	7.104.548.945
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	5.743.500.000	5.743.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.743.500.000	5.743.500.000
TỔNG TÀI SẢN	270		196.922.591.042	172.686.777.214

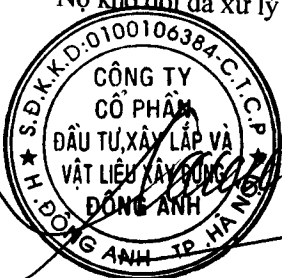
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP)
Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		144.173.163.005	126.955.733.043
Nợ ngắn hạn	310		142.673.163.005	124.905.528.296
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	62.470.785.600	51.829.125.445
Phải trả người bán	312		54.097.869.268	34.951.757.500
Người mua trả tiền trước	313		2.466.472.133	15.632.347.356
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.502.044.822	2.721.317.009
Phải trả người lao động	315		6.612.260.020	6.587.676.196
Chi phí phải trả	316		31.239.737	612.271.082
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	8.322.025.926	8.564.630.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.170.465.499	4.006.403.508
Nợ dài hạn	330		1.500.000.000	2.050.204.747
Vay và nợ dài hạn	334	16	1.500.000.000	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	2.050.204.747
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.260.336.026	37.080.597.339
Vốn chủ sở hữu	410	17	43.260.336.026	37.080.597.339
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.250.000.000	20.250.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	301.040.202
Quỹ đầu tư phát triển	417		17.882.263.536	13.238.610.858
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.072.902.524	3.375.918.399
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.055.169.966	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	(84.972.120)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		9.489.092.011	8.650.446.832
TỔNG NGUỒN VỐN	440		196.922.591.042	172.686.777.214

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU

Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	546.293.360	197.843.800

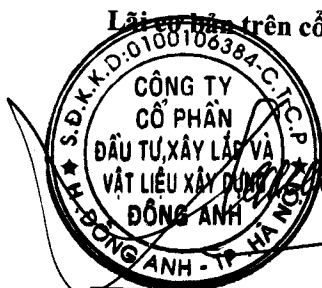


Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc Tại ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	567.898.158.553	523.523.085.487
Các khoản giảm trừ doanh thu		03	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		567.898.158.553	523.523.085.487
Giá vốn hàng bán	11	19	501.234.957.231	465.122.971.829
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.663.201.322	58.400.113.658
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	4.057.091.480	524.822.118
Chi phí tài chính	22	21	9.290.738.316	8.684.710.866
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.290.738.316	8.684.710.866
Chi phí bán hàng	24		10.669.174.051	8.366.081.469
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	32.819.529.282	25.953.969.744
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.940.851.153	15.920.173.697
Thu nhập khác	31		2.071.472.422	956.793.650
Chi phí khác	32		403.574.212	449.205
Lợi nhuận khác	40		1.667.898.210	956.344.445
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.608.749.363	16.876.518.142
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	4.362.387.062	3.647.859.020
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.246.362.301	13.228.659.122
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.303.888.469	2.331.904.561
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		12.942.473.832	10.896.754.561
Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	24	6.391	5.381

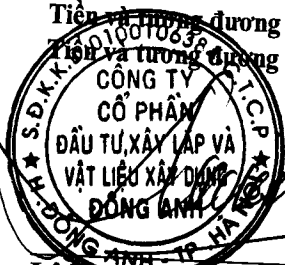


Lê Văn Nghĩa
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Hoàng Thị Thu An
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc Tại ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		504.853.197.468	490.723.430.788
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(426.546.269.337)	(405.380.806.517)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(65.529.533.641)	(49.889.396.069)
Tiền chi trả lãi vay	4		(7.633.789.866)	(8.581.152.802)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(4.289.600.334)	(3.356.358.430)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		5.680.356.725	8.315.125.968
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.744.763.697)	(16.315.129.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.210.402.682)	15.515.713.000
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(411.225.454)	(6.626.772.500)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.500.000.000)	(30.009.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.350.000.000	16.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(703.500.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		214.655.293	2.318.002.881
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.346.570.161)	(18.421.269.619)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		190.082.903.889	141.860.058.616
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(173.484.192.734)	(140.209.322.725)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.540.004.200)	(3.344.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.058.706.955	(1.693.384.109)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		(498.265.888)	(4.598.940.728)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60	5	10.685.637.635	15.284.578.363
	70	5	10.187.371.747	10.685.637.635



Lê Văn Nghĩa
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

Hoàng Thị Thu An
 Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0100106384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 11/03/2004, (đăng ký lần đầu ngày 05/04/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 11/05/2012).

Vốn điều lệ trên Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty là 20.250.000.000 đồng. Trong đó:

- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 1.049.958 cổ phần, chiếm 51,85% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nắm giữ 100.461 cổ phần, chiếm 4,96% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 874.581 cổ phần, chiếm 43,19% vốn điều lệ của Công ty.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

Tên giao dịch Quốc tế: DONG ANH INVESTMENT CONSTRUCTION AND BUILDING MATERIALS JOINT STOCK COMPANY.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đầu tư phát triển các khu đô thị mới và khu công nghiệp tập trung;
- Kinh doanh nhà và kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh khai thác cảng sông nội địa, dịch vụ logistic;
- Cho thuê kho bãi chứa hàng hoá và vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sông và biển;
- Sản xuất sản phẩm khác từ plastic: sản xuất cửa nhựa, cửa sổ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa nhôm, cửa chớp, cổng; Vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; và
- Các ngành nghề khác theo đăng ký kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

I Công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết được hợp nhất trên Báo cáo tài chính Hợp nhất				
TT	Đơn vị	Địa chỉ	Tại Ngày 31/12/2012	
			Tỷ lệ % vốn góp cam kết	Tỷ lệ % sở hữu vốn thực góp
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Thôn Đông Sương, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình	51	51
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoàn Hùng	Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	51	51
II Công ty liên kết do Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết				
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Xã Hải Triều, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên	45.58	45.58

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty mẹ và các Công ty con. Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư theo tỉ lệ lợi ích của Công ty tại công ty con.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc Tại ngày 31/12/2012 được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Đông Anh đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn trong tự.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá thành sản phẩm sản xuất được tính toán hàng tháng và được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh tập hợp cho từng loại sản phẩm đã được quy tiêu chuẩn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 42
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3- 8

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh 6 và Công ty CP Đầu tư và VLXD Đoàn Hùng được khấu hao lần lượt là trong 25 và 48 năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trên Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên kết mới thành lập được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty nhận khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết đang trong quá trình đầu tư chưa đi vào hoạt động chính thức, giá trị của khoản đầu tư sẽ được ghi nhận và phản ánh theo phương pháp giá gốc.

4.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn là giá trị khuôn tôn silic, công cụ dụng cụ xuất dùng, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa là 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

4.10 CHI PHÍ LÃI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Doanh thu bán các sản phẩm tấm lợp, khung nhôm, kính, vật tư và phí bản quyền là 10%

Doanh thu từ chuyển giao công nghệ không chịu thuế GTGT

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.823.361.526	4.752.672.769
Tiền gửi ngân hàng	5.364.010.221	2.932.964.866
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	10.187.371.747	10.685.637.635

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập thường xuyên cán bộ chưa thu	272.147.530	-
Phải thu Công ty liên kết và Tổng Công ty	28.402.538.910	14.000.000.000
Phải thu khác	16.902.727	92.292.166
	28.691.589.167	14.092.292.166

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.900.202.190	20.954.242.734
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	763.227.461	3.131.070.277
Thành phẩm	11.925.857.298	10.891.012.330
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	48.589.286.949	34.976.325.341

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	2.363.471.669	2.011.918.695
	2.363.471.669	2.011.918.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	19.498.122.461	61.211.302.626	15.721.005.695	550.001.431	194.681.270	97.175.113.483
- Mua trong năm	-	984.561.818	795.427.272	436.221.726	-	2.216.210.816
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.989.716.850	3.156.502.450	-	-	-	7.146.219.300
- Thanh lý, nhượng bán	(370.147.714)	(9.164.466.235)	(500.206.672)	(252.121.342)	-	(10.286.941.963)
- Giảm khác	-	-	(61.000.000)	-	-	(61.000.000)
31/12/2011	<u>23.117.691.597</u>	<u>56.187.900.659</u>	<u>15.955.226.295</u>	<u>734.101.815</u>	<u>194.681.270</u>	<u>96.189.601.636</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2012	(9.005.613.161)	(31.625.736.384)	(7.084.254.133)	(387.464.710)	(89.553.026)	(48.192.621.414)
- Khấu hao trong năm	(1.925.124.279)	(4.706.719.538)	(2.050.162.777)	(83.306.739)	-	(8.765.313.333)
- Thanh lý, nhượng bán	184.645.407	9.112.484.091	500.206.672	248.510.659	-	10.045.846.829
31/12/2012	<u>(10.746.092.033)</u>	<u>(27.219.971.831)</u>	<u>(8.634.210.238)</u>	<u>(222.260.790)</u>	<u>(89.553.026)</u>	<u>(46.912.087.918)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2012	<u>10.492.509.300</u>	<u>29.585.566.242</u>	<u>8.636.751.562</u>	<u>162.536.721</u>	<u>105.128.244</u>	<u>48.982.492.069</u>
31/12/2012	<u>12.371.599.564</u>	<u>28.967.928.828</u>	<u>7.321.016.057</u>	<u>511.841.025</u>	<u>105.128.244</u>	<u>49.277.513.718</u>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.510.270.003 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 26.372.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng san lấp đất tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6, nguyên giá là: 8.890.639.000 đồng được khấu hao trong vòng 25 năm, giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2012 là 889.065.000 đồng. Giá trị quyền sử dụng đất tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đoàn Hùng, nguyên giá: 870.721.700 đồng, khấu hao trong vòng 48 năm giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2012 là: 51.397.800 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí đền bù đất nông nghiệp	5.029.072.475	5.029.072.475
Chi phí xây dựng tường rào khu đất mới	1.810.364.739	1.810.364.739
Chi phí thẩm tra, thẩm định hồ sơ	245.272.727	245.272.727
Công trình nhà văn phòng, bếp ăn tại Công ty CP Đầu tư và VLXD Đoàn Hùng	144.827.733	-
Chi phí khác	-	19.839.004
	7.229.537.674	7.104.548.945

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số dư tại Ngày 31/12/2012 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8. Khoản đầu tư này được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Kể từ khi góp vốn, Công ty liên kết đang trong giai đoạn đầu tư, chưa chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên chưa phát sinh doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Hà Nội (*)	48.888.123.600	39.415.525.445
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đoàn Hùng	3.000.000.000	-
Vay cá nhân (**)	10.582.662.000	12.413.600.000
	62.470.785.600	51.829.125.445

(*) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng hạn mức số 11.153707.01.02 ngày 27 tháng 06 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Hạn mức tín dụng của hợp đồng tín dụng ngắn hạn là 60 tỷ. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho hợp đồng hạn mức tín dụng trên bao gồm: Quyền sử dụng đất 28.355 m², dây truyền máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải được định giá theo các Hợp đồng thế chấp tài sản là 35.168.000.000 đồng.

(**) Vay các cá nhân tại Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 6 và Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đoàn Hùng mục đích để bổ sung vốn lưu động. Thời gian vay từ 6-12 tháng, lãi suất được tính theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Lương Sơn và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Đoàn Hùng tại thời điểm chi trả lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	2.263.281.935	1.139.098.142
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.601.421.579	1.573.816.020
Thuế thu nhập cá nhân	605.952.108	8.402.847
Các loại thuế khác	31.389.200	-
	4.502.044.822	2.721.317.009

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	111.618.620	13.343.014
Kinh phí công đoàn	228.991.100	314.314.656
Phải trả phần vốn góp vượt	-	2.121.763.964
Các khoản phải trả, phải nộp khác	892.609.962	1.071.249.566
Phải trả cổ tức	2.743.220.000	5.043.959.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.345.586.244	-
	8.322.025.926	8.564.630.200

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Khoản Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đoàn Hùng theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD số tiền 1,5 tỷ đồng, thời hạn 56 tháng, lãi suất 15%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu <u>VND</u>	Vốn khác của chủ sở hữu <u>VND</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VND</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VND</u>	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu <u>VND</u>	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
01/01/2011	20.250.000.000	9.700	8.904.624.202	2.752.846.930	-	-	31.907.480.832
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	10.896.754.561	10.896.754.561
- Tăng khác	-	301.030.502	4.206.318.686	623.071.469	-	-	5.130.420.657
Giảm khác	-	-	127.667.970	-	-	1.564.680.000	1.692.347.970
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(12.525.268.561)	(12.525.268.561)
31/12/2011	20.250.000.000	301.040.202	13.238.610.858	3.375.918.399	-	(84.972.120)	37.080.597.339
01/01/2012	20.250.000.000	301.040.202	13.238.610.858	3.375.918.399	-	(84.972.120)	37.080.597.339
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	(84.972.120)	37.080.597.339
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	12.942.473.832	12.942.473.832
- Trích lập quỹ khen thưởng (**)	-	-	4.643.652.678	696.984.125	-	(5.340.636.803)	-
- Tăng/Giảm khác (***)	-	-	-	-	-	(3.585.958.435)	(3.585.958.435)
- Trả cổ tức	-	(301.040.202)	-	-	1.055.169.966	(754.129.764)	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	(3.442.500.000)	(3.442.500.000)
31/12/2012	20.250.000.000	-	17.882.263.536	4.072.902.524	1.055.169.966	265.723.300	265.723.300
							43.260.336.026

(*) Giảm khác theo biên bản thanh tra của cơ quan thuế huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

(**) Tạm phân phối các quỹ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

(***) Phân loại lại nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu sang quỹ khác thuộc chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty xây dựng và Phát triển hạ tầng	10.499.580.000	10.499.580.000
Các cổ đông khác	9.750.420.000	9.750.420.000
	20.250.000.000	20.250.000.000

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỐ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.250.000.000	20.250.000.000
+ Vốn góp đầu năm	20.250.000.000	20.250.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	20.250.000.000	20.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.540.004.200	1.564.680.000

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2012	01/01/2012
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	2.025.000	2.025.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.025.000	2.025.000
+ Cổ phiếu thường	2.025.000	2.025.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.025.000	2.025.000
+ Cổ phiếu thường	2.025.000	2.025.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (10.000 VND/CP)</i>		

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.882.263.536	13.238.610.858
Quỹ dự phòng tài chính	4.072.902.524	3.375.918.399
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.055.169.966	-
	23.010.336.026	16.614.529.257

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	567.898.158.553	523.523.085.487
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	567.898.158.553	523.523.085.487

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hoá đã bán	501.234.957.231	465.122.971.829
	501.234.957.231	465.122.971.829

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.007.607.493	235.246.322
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	289.575.796
Tiền thu từ bán quyền	49.483.987	-
	4.057.091.480	524.822.118

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	9.290.738.316	8.684.710.866
	9.290.738.316	8.684.710.866